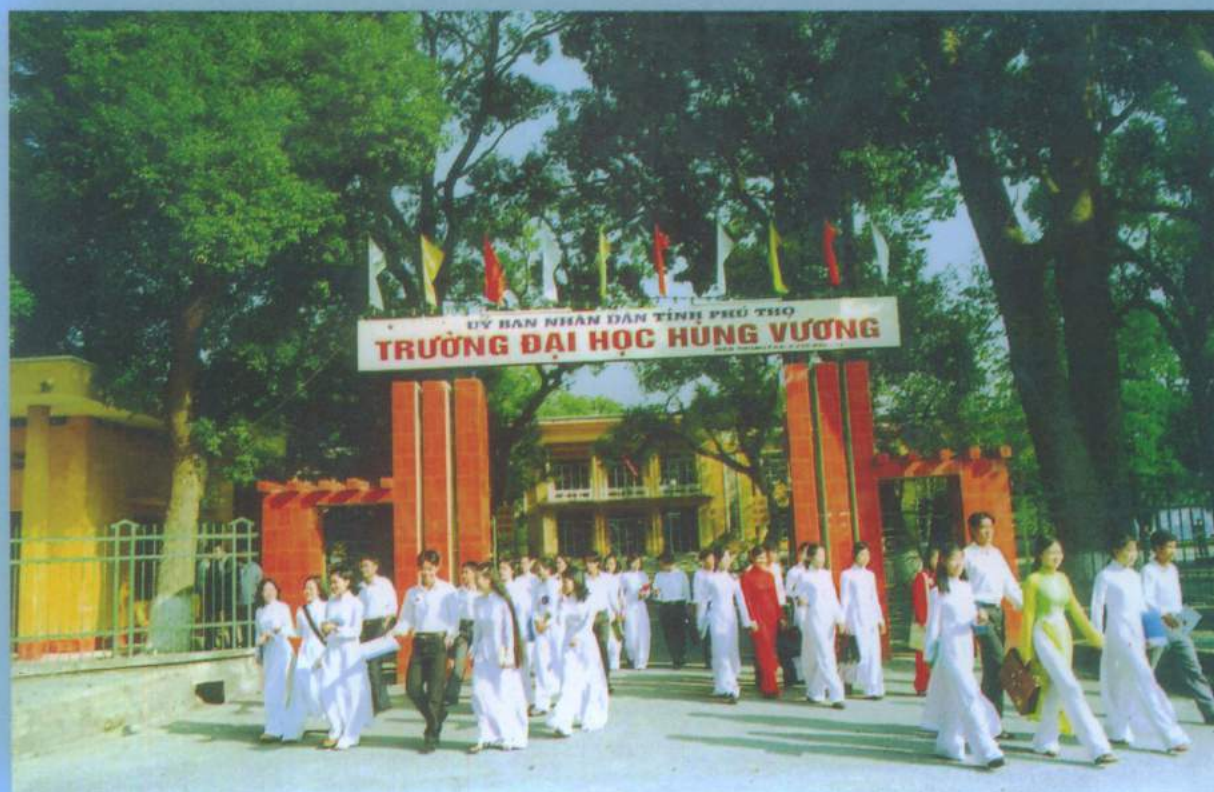


TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

THÔNG TIN

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TECHNOLOGICAL AND SCIENTIFIC REVIEW



PHÚ THỌ

SỐ 09

2007

THÔNG TIN
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
TECHNOLOGICAL AND
SCIENTIFIC REVIEW

MỤC LỤC

Trang

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. Lê Xuân Trường

Hiệu trưởng

Trường Đại học Hùng Vương

Ban biên tập:

Trưởng ban: PGS.TS. Cao Văn

PTB Thư ký:

ThS. Nguyễn Nhật Đăng

+ Ủy viên:

- TS. Lê Quốc Doanh

- TS. Đỗ Văn Ngọc

- NGƯT Nguyễn Hưng

- ThS. Cao Văn Thịnh

- ThS. Lê Thị Bích Hằng

- ThS. Nguyễn Tân Sơn

- NCS Phạm Tuấn Anh

+ Trợ lý kỹ thuật:

- CN Chu Sỹ Hòa

- CN Đặng Văn Thanh

1. **ThS. Cao Văn Thịnh** - Tư tưởng Hồ Chí Minh về
cội nguồn dân tộc. Đất Tổ 2
2. **PGS. TS. Nguyễn Trọng Lạng** - Sử dụng một số
biện pháp sinh học để phòng trừ côn trùng
truyền bệnh 5
3. **CN. Nguyễn Ngọc Cường** - Tự học của sinh viên
vấn đề cần phải được quan tâm hơn nữa 8
4. **Trần Công Tấn** - Về hoạt động nghiên cứu khoa
học của sinh viên 12
5. **Ma Nguyễn Văn Hùng** - Some thoughts teaching of
English to beginning speakers 13
6. **HS. ThS. Nguyễn Thành Việt** - Mạn họa - một hình
thức đồ họa đầy sinh khí 16
7. **CN. Nguyễn Quang Hưng** - Vận dụng phần mềm
Power Point, Coreldraw, Adobe Photoshop 24
8. **NCS. Phạm Tuấn Anh** - Cái bi và diện mạo mới của
tiểu thuyết Việt Nam sau 1975 27
9. **ThS. Nguyễn Xuân Huy** - Phiên chợ Giát với cảm
thức về không gian và thời gian 37
10. **CN. Bùi Hùng** - Về thăm Đèn Tổ Mẫu Âu Cơ, cái
mừng pha chút gợn suy tư 42
11. **CN. Nguyễn Ánh Hoàng** - Việc tìm hiểu các địa
danh trong dạy học phân địa lý tự nhiên các lục địa 44
12. **ThS. Nguyễn Đức Thắng** - Tìm hiểu nền giáo dục
Hòa Kỳ 48

In 300 cuốn, khổ 18,5 x 28,5cm.
tại Công ty CP In Phú Thọ. Giấy
phép xuất bản số: 80/VHTT/GPXB
do Sở Văn hóa Thông tin Phú Thọ
cấp ngày 22 tháng 10 năm 2007.
Nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2007.

TƯ TƯỢNG HỒ CHÍ MINH

Về cội nguồn dân tộc, Đất Tổ

ThS. CAO VĂN THỊNH

(Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn)

TRONG suốt quá trình hoạt động và chỉ đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nghĩ về cội nguồn dân tộc, nhất là thời kỳ Người trở về nước hoạt động, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Cội nguồn dân tộc cũng chính là cội nguồn Đất Tổ, nơi dân tộc ta phát tích, mở đầu quá trình dựng nước, giữ nước. Nhớ về tổ tiên, nhớ về nguồn cội là nét đẹp truyền thống trong mỗi con người Việt Nam ta, nó tạo thành sức mạnh không gì ngăn cản nổi, nếu ta biết khơi sâu và biết đoàn kết lại. Khi tuyên truyền cách mạng, Bác đã diễn đạt nhận thức ấy bằng thơ, cốt sao để đồng bào nhớ :

*"Hong Bàng là tổ tiên ta
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang"*

(Lịch sử nước ta)

Văn Lang là tên gọi của nước ta thời đại các Vua Hùng. Trải qua lịch sử hơn bốn nghìn năm dựng nước, giữ nước, dân tộc ta luôn giữ được truyền thống anh hùng. Khi nước mất thì anh dũng đứng lên đánh giặc cứu nước, khi khôi phục nên độc lập, có giặc ngoại xâm thì anh dũng đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lập nên nhiều kì tích vẻ vang. Bác nhắc lại truyền thống ấy, để mọi người thấy mà tự hào :

*"Xét trong lịch sử Việt Nam
Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng
Nhiều phen đánh bắc dẹp đông
Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên"*

(Lịch sử nước ta)

Sự nghiệp cách mạng giải phóng đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta nhất định sẽ hoàn thành, nhất định là vẻ vang, thế giới sẽ biết tên Việt Nam, con cháu sẽ làm rạng danh truyền thống ông cha :

*"Rời ra sự nghiệp hoàn toàn
Rõ tên nước Việt, rạng danh Lạc Hồng"*

(Mười chính sách của Việt Minh)

Về sau, tư tưởng về cội nguồn dân tộc của Bác còn thể hiện trong các văn bản thơ văn và các loại văn bản khác. Người luôn nhắc tới các từ, cụm từ như "tổ tiên", "Tiên Rồng", "Lạc Hồng", "con Rồng cháu Tiên", "cháu Tiên con Rồng".

Nhắc đến tổ tiên, Người còn nhắc đến các từ chỉ nguồn gốc chung quốc gia, giống nòi như "người Nam" hay "nước Nam", để mà đoàn kết, tập hợp chỉ hướng :

*"Đoàn kết vững vàng như khối sắt
Đề cùng nhau cứu nước Nam ta"*

(Lời phụ đề tranh cổ động -
Báo Việt Nam Độc lập)

Là người Nam, ở trong phải phát huy truyền thống đoàn kết, không sợ khổ, phải có chí, phải gan dạ, phải trung thành, phải tự nguyện, dũng cảm hy sinh..., ở ngoài phải giữ bản sắc riêng của mình, phải luôn nhớ mình là người Nam, cho nên :

"Phải siêng học, phải siêng làm"

Chớ cam thua bạn, không cam kém

người.

Người siêng một, mình siêng mười

Đừng cho thiên hạ chê cười thanh

niên".

(Hoan nghênh thanh niên học quân sự)

Hay là :

"Trăm năm trong cõi người ta

Có lòng yêu nước mới là người Nam".

(Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần đối đáp)

Các từ "người Nam", "nước Nam", Người dùng để nhắc mọi người nhớ về nước nhà, nhớ về mình. Các từ này, nó mang sắc thái tình cảm tự hào, khác với các từ "An Nam", "An nam mít" mang sắc thái âm tính mặc cảm trong các bài báo, truyện ngắn của Người. Ở Pháp. Người còn nhắc nhiều đến từ "giống nòi", "tổ tông", để mọi người Việt Nam xác định rõ nhiệm vụ của mình chiến đấu vì giống nòi, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giống nòi thoát khỏi ách nô lệ:

"Giặc Tây áp bức giống nòi

Ta nên đoàn kết để đòi tự do".

(Con cáo và tổ ong)

Hay Người trực tiếp kêu gọi binh lính đứng lên chiến đấu chống giặc vì chúng ta cùng một giống nòi:

"Anh em binh lính ta ơi

Chúng ta cùng giống cùng nòi Việt

Nam".

(Ca binh lính)

Chiến tranh thế giới lần thứ hai, một mặt cũng do mâu thuẫn giữa các cường

quốc đế quốc, nó tạo ra điều kiện thuận lợi để chúng ta có thời cơ đứng lên tự giải phóng, Bác viết:

"Ấy là dịp tốt cho ta

Nổi lên khôi phục nước nhà tổ tông".

(Lịch sử nước ta)

Căn cứ vào truyền thống lịch sử dân tộc, căn cứ vào thời thế, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, từ năm 1942, Bác đã đưa ra dự đoán thiên tài: "Việt Nam độc lập - 1945" (Theo *Lịch sử nước ta- Những năm tháng quan trọng*).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cội nguồn dân tộc, lúc đó có một ý nghĩa chỉ đạo cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, tạo nên sự đoàn kết toàn dân, cùng "Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh", để đứng lên đánh đuổi Pháp - Nhật giành lại độc lập cho nước nhà. Sau này, Bác đã khái quát thành một bài học có tính nguyên tắc cao: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công".

Khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi, Người ân cần nhắc nhở các cháu học sinh, nhưng cũng là nhắc nhở mọi người Việt Nam ta: "Ngày nay chúng ta cần phải xây dựng cơ đồ mà tổ tiên để lại cho chúng ta, làm sao chúng ta theo kịp các nước trên hoàn cầu" (Trích *Thư Bác Hồ gửi cho học sinh nhân ngày khai trường tháng 9/1945*).

Kháng chiến chống thực dân pháp, người lên chiến khu Việt Bắc, trong những năm đầu tiên, khi viết một bài thơ bằng tiếng Việt Người còn sử dụng hai tiếng Tiên Rồng :

"Lòng riêng riêng những bàn hoàn

Lo sao khôi phục giang sơn Tiên

Rồng".

(Đi thuyền trên sông Đáy)

Sông Đáy là sông Phó Đáy con sông chảy từ Sơn Dương (Tuyên Quang) vào Lập Thạch, Tam Dương (Vĩnh Phúc); đổ ra sông Lô, cũng nằm trên miền Đất Tổ của chúng ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cội nguồn dân tộc thể hiện niềm tự hào dân tộc, Người viết: “Chúng ta có quyền tự hào vì những trang sử vẻ vang thời đại Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.” (Trích Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội II, tháng 2, 1951 của Đảng Lao động Việt Nam).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cội nguồn dân tộc được thể hiện rõ nhất trong từ *đồng bào*, một từ chỉ nguồn gốc dân tộc cất nghĩa từ truyền thuyết Âu Cơ đẻ ra bọc trăm trứng. Người dùng nhiều nhất trong những lời kêu gọi, lời Tuyên ngôn Độc lập, lời thăm hỏi, lời chúc tết đã gây niềm xúc động, tạo ra niềm tin tưởng và quyết tâm sắt đá cho toàn Đảng, toàn dân. Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Thiêng liêng hai tiếng gọi đồng bào!” (Theo chân Bác).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cội nguồn dân tộc còn toả sáng trong câu nói nổi tiếng của Người, khi Người căn dặn các cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong, tại Đền Giếng (khu Đền Hùng), ngày 19/9/1954, trước khi làm nhiệm vụ tiếp quản Thủ đô: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước - Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Câu nói của Bác Hồ không phải chỉ hướng tới cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong mà còn là lời nói với toàn quân, toàn dân ta. Lời nói ấy chứa đựng sự hàm ơn sâu sắc đối với tổ tiên mà còn nhắc nhở trách nhiệm nặng nề của mỗi con người Việt Nam. Trách nhiệm của con người Việt Nam lúc bấy giờ là phải tiếp tục công cuộc giữ nước, chống giặc Mĩ xâm lược và bẻ gãy tay sai bán nước giành độc lập thống nhất Tổ quốc. Tư tưởng của Bác đã tạo nên sức mạnh phi thường để toàn Đảng, toàn dân ta đập bằng sự gian khổ, hy sinh, đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Ngày 30/4/1975, lời dạy của Bác Hồ đã trở thành hiện thực, nước ta đã độc lập, thống nhất, hoà bình, ổn định, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, toàn dân, toàn quân ta thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lời nói của Bác Hồ tại Đền Hùng vẫn còn ý nghĩa lớn lao, chỉ đạo chúng ta tiếp tục sự nghiệp dựng nước, giữ nước, không phải chỉ hôm nay mà còn cả mai sau.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về cội nguồn dân tộc được kết tinh từ lòng yêu nước, thương dân, tư tưởng khoa học chân chính của một người cộng sản thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê nin. Tư tưởng ấy, đã hướng một dân tộc người không đông, một quốc gia không rộng lớn, biết đoàn kết, biết kiên trì đấu tranh chống thực dân, đế quốc đã đi tới thắng lợi hoàn toàn và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam.

SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP SINH HỌC ĐỂ PHÒNG TRỪ CÔN TRÙNG TRUYỀN BỆNH

PGS. TS. NGUYỄN TRỌNG LẠNG

(Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên)

Nghiên cứu sử dụng các biện pháp khác nhau, trong số đó có biện pháp sinh học nhằm khống chế và diệt trừ côn trùng truyền bệnh là việc làm rất cần thiết.

1. Mặt hạn chế của các chất hoá học tiêu diệt côn trùng

Những năm qua, người ta đã sản xuất hàng loạt chất hoá học diệt trừ côn trùng có hại, đặc biệt các chất có tác dụng kéo dài đã đem lại thắng lợi đáng kể trong việc đấu tranh tiêu diệt côn trùng truyền bệnh. Nhưng thực tế lại cho thấy các chất hoá học ấy vừa mới sản xuất ra đã sớm giảm tác dụng hoặc mất hiệu quả tiêu diệt các loài sâu bọ. Bởi vì nhiều loài côn trùng có sức đề kháng (thích nghi) hoặc trở hoàn toàn với chất độc mà trước đó có thể tiêu diệt chúng. Trong một báo cáo của Ủy ban thanh tra về sinh học các côn trùng truyền bệnh trực thuộc tổ chức Y tế thế giới đã thống kê có 51 loài thuộc giống *Anopheles*, 42 loài thuộc giống *Culex* và 41 loài chân khớp khác có khả năng truyền bệnh cho người và gia súc trở nên kháng lại ít nhất là một loại thuốc diệt côn trùng. Khá nhiều loài muỗi giống *Anopheles* có khả năng kháng đồng thời nhiều loại chất, đó là hiện tượng đa kháng, ví dụ kháng các chất hữu cơ chứa chlor, photphor, các dẫn suất carbamat... điển hình là các loài muỗi *A. albimatus*, *A. stephensi*, *A. anrabiensis*. Riêng các loài *A. faranti*, *A. balabaccensis* đã trở nên trở hoàn toàn với các chất kể trên. Như vậy “vũ khí hoá học” đã không phải là “vũ khí vạn năng” để tiêu diệt các

loài côn trùng truyền bệnh cho người và gia súc.

2. Những cố gắng khắc phục

Nhiều người đặt vấn đề rằng liệu có thể cứ tiếp tục sản xuất các chất hóa học mới nhằm tiêu diệt côn trùng truyền bệnh hay không? Đó là câu hỏi đã đặt ra từ lâu, từ những năm 50 - 60 của thế kỷ vừa qua. Năm 1960, người ta đã chế tạo 2.000 hợp chất hoá học có tác dụng diệt côn trùng có hại. Nhưng sau kiểm tra và lựa chọn chỉ có 10 hợp chất hoá học đủ tiêu chuẩn để áp dụng. Như thế việc đổi mới “vũ khí hoá học” thật không dễ dàng. Người ta lại nghĩ cách làm thế nào để giảm khả năng đề kháng của các loại côn trùng cần phải tiêu diệt. Tìm hiểu, nghiên cứu thực tế cho thấy khả năng đa kháng và kháng chéo thường xuất hiện ở nhiều loài côn trùng sau khi tác dụng chất hoá học tiêu diệt chúng. Do đó người ta đã từ bỏ ý định tìm cách làm giảm khả năng đề kháng của côn trùng với chất hoá học.

Các biện pháp nhằm thủ tiêu các điều kiện sống cần thiết của côn trùng, như phá huỷ môi trường sống, nơi sinh sản của chúng, đặt bẫy dùng vọt đánh bắt... cũng đã được sử dụng nhưng không hiệu quả, tốn kém vật tài, công sức... Tuy thế ngày nay người ta vẫn phải áp dụng các biện pháp

“cơ học, hoá học với các biện pháp sinh học”.

3. Sử dụng các nhân tố sinh học

Kẻ thù tự nhiên của côn trùng truyền bệnh, trước hết phải kể đến những sinh vật ăn thịt chúng và ăn thịt ấu trùng của chúng. Đó là những sinh vật cạnh tranh, tiêu diệt gây bệnh... cho côn trùng, có thể tác động đến một giai đoạn nào đó trong đời sống của chúng. Chính những kẻ thù này, còn gọi là thiên địch đã hạn chế hay khống chế sự sinh sản của côn trùng trong tự nhiên. Trong quá trình tiến hoá lâu dài giữa các loài côn trùng truyền bệnh và kẻ thù của chúng đã hình thành thế cân bằng tự nhiên. Nhưng thực tế có lúc, có nơi con người có thể do “vô tình” hoặc “hữu ý” đã phá vỡ thế cân bằng tự nhiên đó, và có lẽ đã làm “lỗi” cho trong hai phía của hai mối quan hệ cân bằng kể trên. Ví dụ, trong một hồ nước hay trong một thủy vực nào đó đã đạt được trạng thái cân bằng giữa số lượng ấu trùng muỗi và số lượng cá ăn muỗi. Thế cân bằng này có thể tồn tại khá ổn định, nếu trong hồ không có sự thay đổi nào về thành phần các yếu tố hữu sinh và vô sinh. Giả sử vớt hết các cây thủy sinh và rong rêu trong hồ... thì hiệu quả của cá bắt ấu trùng muỗi sẽ tăng lên và số lượng muỗi trong hồ sẽ giảm đột ngột... Hiện tượng tương tự có thể đạt được bằng cách bổ sung vào hồ nước một số lượng lớn cá ăn ấu trùng muỗi hoặc thả vào đó những sinh vật gây bệnh cho ấu trùng muỗi. Như vậy các nhân tố sinh học có vai trò lớn trong cuộc đấu tranh tiêu diệt côn trùng truyền bệnh. Đã biết các nhân tố sinh học rất đa dạng, có thể là vi rút, vi khuẩn, nấm, nguyên sinh vật, động vật... Nhưng sử dụng nhân tố nào để đạt hiệu quả cao nhất mà không ảnh hưởng xấu đến đời sống của con người và các sinh vật hữu ích khác là vấn đề cần nghiên cứu, nắm vững và tính toán cụ thể.

4. Các nhân tố sinh học khống chế sự phát triển của côn trùng truyền bệnh

Thực chất cuộc đấu tranh sinh học này là sử dụng các sinh vật thích hợp nhằm khống chế hoặc tiêu diệt những côn trùng có hại, dẫn tới thay đổi và thiết lập thế cân bằng mới theo hướng có lợi cho con người. Cần sử dụng những sinh vật có triển vọng nhất để ngăn chặn sự phát triển của các côn trùng truyền bệnh. Tuy nhiên, cũng cần các nhân tố sinh học ấy không gây nguy hiểm cho con người và những sinh vật khác, ngoài mục đích khống chế, tiêu diệt sinh vật có hại.

• Vi khuẩn (*Bacteria*)

Được biết những vi khuẩn ký sinh bắt buộc trên muỗi, rận... phải là vi khuẩn có độc tố mạnh. Có thể nêu ra hai đại diện đã được nghiên cứu và sử dụng: (1) *Bacillus thuringiensis* H.14 là vi khuẩn đã được quan tâm nghiên cứu từ năm 1976, và đến năm 1980 *B. thuringiensis* H.14 đã được sử dụng rộng rãi để tiêu diệt các loài muỗi hút máu như *Culex*, *Psorophora*, *Anopheles*... Đến cuối năm 1980 đã sử dụng ít nhất 12.000 tấn phế phẩm *B. thuringiensis* H.14. Tuy nhiên, trong điều kiện tự nhiên chúng vi sinh vật này không thể sinh sản đạt đến số lượng đủ để ngăn cản sự phát triển của muỗi; (2) *Bacillus sphaericus* có tác dụng lên một số loài muỗi còn mạnh hơn *B. Thuringiensis* H.14, nó có tác dụng mạnh nhất trên muỗi *Culex*. Thế nhưng *B. sphaericus* lại không tác dụng lên ấu trùng của rệp hút máu. Ưu thế của loài vi khuẩn này là cơ thể sống và sinh sản mạnh ở những nơi bẩn, có nhiều mùn bã hữu cơ.

Nấm (*Fungi*)

Một số loài nấm như *Culisinomyces clavosporus*, *Lagenidium giganteum*,

Tolypoc - ladium cylindrosporum và một số loài thuộc Coelomomyces đã được nghiên cứu với hy vọng sử dụng những nấm này để tiêu diệt những ấu trùng muỗi. Đây là những loài kí sinh bắt buộc ở ấu trùng muỗi và có tính độc cao. Vào những ngày mùa xuân và đầu hè, nấm này có thể tiêu diệt 90% ấu trùng muỗi.

• Giun (Nemathelminthes)

Một số loài giun, đặc biệt là Roma-romermis culicivora, R. iyengan và Octomy - omermis muspratti có thể dùng tiêu diệt muỗi trong những điều kiện nhất định. Những giun này có kích thước rất nhỏ, có đặc tính sinh học đặc biệt. Ví dụ giun R. culicivora đẻ trứng vào nơi muỗi thường sinh sản và khi giun con ra khỏi vỏ trứng sẽ tìm ngay ấu trùng muỗi để chui vào kí sinh. Sau khoảng một tuần kí sinh trong ấu trùng muỗi, giun lớn lên và phá ấu trùng muỗi chui ra bắt đầu cuộc sống của giun trưởng thành, còn ấu trùng muỗi thì sẽ bị chết.

• Cá (Fishes)

Từ lâu người ta biết ấu trùng muỗi và các loài côn trùng khác là thức ăn rất tốt của nhiều loài động vật thủy sinh, trong đó có cá. Dùng cá để ngăn chặn sự phát triển của côn trùng truyền bệnh là một việc làm rất cần thiết. Nhưng mỗi địa phương thường chỉ có một loài cá thích hợp, vì không phải các loài cá đều ăn ấu trùng muỗi.

Ở Somalia, người ta dùng cá oreochromis spiluris để ngăn chặn sự phát triển của muỗi A. arabiensis. Loài cá này có thể hữu ích với nhiều vùng trên thế giới. Ngoài ra, một số loài cá khác cũng có nhiều triển vọng như loài cá thuộc các giống Apharius, Aplocheilus, Cryxias,... Các loài

cá thuộc giống Gambusia được sử dụng ở nhiều vùng trên thế giới, tuy nhiên chúng cũng có thể gây hại cho một số loài cá địa phương.

• Muỗi ăn thịt

Một số loài muỗi thuộc giống Toxorhynchites, điển hình là loài Tamboinensis có đặc tính là những con trưởng thành không bao giờ hút máu người và động vật máu nóng, mà chúng chỉ ăn mật hoa và phấn hoa, nên còn hữu ích cho cây thụ phấn. Các ấu trùng muỗi Toxorhynchites lại còn ăn ấu trùng các loài muỗi hút máu và những ấu trùng có sẵn này là nguồn thức ăn duy nhất của ấu trùng muỗi Toxorhynchites khi chúng ra đời. Tuy nhiên, một số côn trùng thủy sinh lại rất thích ăn ấu trùng muỗi Toxorhynchites. Mối quan hệ cạnh tranh sinh học giữa các loài quả thực là rất phức tạp, tất cả đều có thể tạo ra thế cân bằng sinh học trong sinh giới một cách hợp lí tương đối.

• Nguyên sinh động vật (Protozoa)

Các loài nguyên sinh vật tỏ ra có nhiều triển vọng nhất trong cuộc đấu tranh diệt trừ côn trùng truyền bệnh cần nói tới là Nosem - algerae, Vabreia culicis,... thuộc Microsporidia. Chúng ký sinh ở ấu trùng muỗi và muỗi trưởng thành. Vật chủ của N.algerae là ấu trùng và muỗi trưởng thành của các loài thuộc Anopheles, còn vật chủ của V. culicis lại là muỗi Culex.

• Virus

Một số virus có khả năng gây bệnh cho muỗi, rệp,... Tuy nhiên một số chủng virus có đặc tính như thế không nhiều trong thiên nhiên. Thông thường các virus này ký sinh ở niêm mạc ruột ấu trùng muỗi,

(Xem tiếp trang 11)

TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN

VẤN ĐỀ CẦN PHẢI ĐƯỢC QUAN TÂM HƠN NỮA

CN. NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

(Bộ môn Mác - Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh)

Tự học là một vấn đề hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững tri thức, kỹ năng. Hoạt động tự học là do chính bản thân người học tiến hành ở giảng đường, thư viện, ký túc xá; có không theo chương trình và sách giáo khoa đã ấn định sẵn. Hoạt động tự học được tiến hành tùy theo trình độ nhận thức về nhiệm vụ và trách nhiệm, tùy theo hứng thú khoa học và nghề nghiệp, tùy theo đặc điểm thói quen làm việc, sinh hoạt riêng của từng người.

Có thể nói, vấn đề tự học được đặt ra có ý nghĩa rất lớn, rất thời sự khi chúng ta chủ trương khẩu hiệu của thời đại: *Học thường xuyên, học suốt đời*.

Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến vấn đề tự học của sinh viên với sự nỗ lực của người học mà người ta vẫn gọi là nội lực.

Như một học giả đã nói: "Tự học là một đức tính mà phải tự tập mới có". Vấn đề tự học của mọi người nói chung và của sinh viên đại học hiện nay nói riêng còn là một vấn đề đáng suy nghĩ, cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa. Bởi vì thực tế hiện nay cho thấy việc tự học của sinh viên trong các trường cao đẳng, đại học nhìn chung còn nhiều hạn chế ở cả hai phía: phía nhà trường và phía sinh viên.

Để làm tốt nhiệm vụ là người học - sinh viên cần phải quan tâm đến những vấn đề

như phương pháp (cách) nghe giảng bài, cách đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, tự xây dựng quản lý kế hoạch học tập cá nhân.

Mặt khác, về phía người dạy, người quản lý dạy học vấn đề đặt ra là: gợi ý, hướng dẫn cách tự học như thế nào, trao đổi, cải tiến cách học cho sinh viên, quản lý việc tự học ra sao. Tất cả những việc đó đều là những cố gắng giúp cho sinh viên tự học tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Trước hết, sinh viên cần phải nắm vững một số kỹ năng tự học như sau:

1. Cách nghe giảng

Thực tế cho thấy, sinh viên năm thứ nhất chưa quen cách giảng bài ở đại học, thậm chí còn lơ đãng, lúng túng thiếu tự tin. Sinh viên không biết làm thế nào vừa nghe giảng vừa ghi chép được. Đặc biệt là các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh có tính lý luận cao, đòi hỏi tư duy khái quát lớn, nhiều thuật ngữ mới mẻ và khó hiểu. Thực tế trên đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện kỹ năng nghe giảng bài tốt: tập trung tư tưởng, ghi ngay được những khái niệm, vấn đề mới chưa hiểu, đánh dấu để hỏi lại (có thể hỏi ngay trong thời gian ở trên lớp, để lâu sẽ quên).

Nhưng trước hết, chúng tôi muốn bàn đến việc chuẩn bị nghe giảng bài trên lớp

như thế nào để đạt được hiệu quả tối ưu. Có lẽ, các em nên tái hiện lại nội dung bài học trước, việc nhớ lại những kiến thức đã lĩnh hội từ bài học trước sẽ giúp sinh viên hiểu bài tốt hơn và sâu hơn. Nhất là đối với các môn có tính lí luận cao thì vấn đề này càng có ý nghĩa hơn. Bởi vì, tính logic, khoa học của lí luận sẽ giúp cho chúng ta có định hướng tốt hơn để tiếp cận mục đích nhận thức tốt hơn trong suy luận.

Tiếp đến, việc nghe giảng ở trên lớp đòi hỏi người học phải tập trung cao độ, gạt bỏ tất cả những suy nghĩ còn vương vấn trong thời gian trước đó để nghe và ghi chép bài giảng được hiệu quả hơn. Lúc này, tư duy người học cần làm việc hết sức tích cực, khẩn trương. Nghe giảng như thế nào cho tốt? Có nên vừa nghe vừa ghi hay không? Tất cả vấn đề đó, chúng ta phải tính toán kĩ lưỡng để lựa chọn, để phân phối sự chú ý cho hợp lí sao cho đạt được hiệu quả tối ưu. Trường hợp đối với những môn học không có tài liệu hoặc ít tài liệu, khi người dạy sử dụng phương pháp thuyết trình là chủ yếu thì người học cũng phải thích ứng với hoàn cảnh như vậy.

Ví dụ: Khi thầy giảng người học phải chú ý nghe để nhớ, (mặc dù chưa hiểu hết) rồi mới bắt đầu ghi, cố gắng ghi nhanh, có thể viết tắt những từ và tập hợp từ quen thuộc theo ký hiệu riêng của mình. Thực tế, khi thầy cô vừa đọc nhiều sinh viên lập tức đã ghi ngay thì chỉ được vài chữ thì đã quên hết đoạn sau, nếu thầy cô không nhắc lại thì sẽ để "hổng" cả một đoạn kiến thức, gây khó khăn cho tư duy logic, thậm chí sai lầm trong suy diễn chủ quan.

Theo chúng tôi, việc ghi chép của người học nên theo cách của bản thân là

tốt nhất. Nó đảm bảo tính độc lập, sáng tạo của người học. Sinh viên nếu làm được như vậy thì khi xem lại bài giảng sẽ dễ hiểu hơn. Có thể nói, ghi chép khi nghe giảng là một nghệ thuật. Nó đòi hỏi tính sáng tạo, phù hợp với từng môn học, nhất là những môn khoa học xã hội, người học cần có sự chuẩn bị tốt để có thể ghi được nhanh, nhiều thông tin nhất. đương nhiên môn học nào cũng vậy, việc ghi chép trong khi nghe giảng cần phải tuân thủ logic của bài giảng, các đề mục phải sắp xếp theo thứ tự hợp lí để dễ nghiên cứu. Có thể chia trang giấy ra làm hai phần: phần lớn để ghi đề mục và kiến thức bài giảng, phần nhỏ ghi những điều chưa rõ, chưa hiểu, cần được giải thích và bổ sung.

Thứ tự số đề mục cũng phải lựa chọn hợp lí theo kết cấu bài giảng, dung lượng kiến thức. Chúng ta có thể sử dụng số La Mã, A, B, C, chữ cái thường, hoa thị... để phân cấp và đánh dấu các đề mục một cách khoa học.

Một vấn đề nữa là khi tự nghiên cứu ở nhà, việc chỉnh lí lại việc ghi chép bài giảng trên lớp có ý nghĩa rất quan trọng, nó giúp sinh viên điều chỉnh ngay những chỗ chưa hợp lí, những chỗ còn nghi ngờ. Nếu người học chỉ ghi chép trên lớp xong mà không chỉnh sửa lại ngay thì chỉ vài ngày sau sẽ quên rất nhiều những kiến thức mà người dạy đã truyền đạt trên lớp. Hơn nữa, những chỗ sai sót sẽ không được chỉnh lí theo đúng nội dung bài giảng.

Một khâu quan trọng nữa của việc tự học là đọc sách, đọc tài liệu. Như người ta thường nói: *Không có sách lịch sử im lặng, văn chương câm điếc, khoa học tê liệt, tư tưởng và suy xét ứ đọng.* Vấn đề là chúng

ta đọc sách như thế nào cho có hiệu quả để tạo ra hứng thú đọc sách cho sinh viên.

Trước hết, chúng ta phải xác định được mục đích đọc sách. Đọc sách có nhiều mục đích khác nhau:

Một là, đọc để tìm hiểu toàn bộ nội dung cuốn sách - tác phẩm.

Hai là, đọc để tìm hiểu một vấn đề, một khía cạnh nào đó của tác phẩm.

Ba là, đọc để sưu tầm tài liệu, tham khảo, bổ sung cho những vấn đề mà người đọc đang quan tâm nghiên cứu.

Bốn là, đọc để tìm hiểu, nhận thức một cách chuẩn xác các định nghĩa, các khái niệm hoặc về một số vấn đề nào đó.

Năm là, đọc để thu thập thông tin, tri thức nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn đặt ra.

Sáu là, đọc để tìm những cái hay cái mới bổ sung, nâng cao nhận thức hoặc giải trí...

Cũng có thể đọc chỉ nhằm một trong nhiều mục đích và cũng có thể nhằm nhiều mục đích cùng một lúc, song dù như thế nào thì cũng cần phải xác định rõ mục đích ngay từ đầu thì mới có kết quả.

Theo kinh nghiệm bản thân, chúng tôi cho rằng khi bắt đầu đọc một cuốn sách ta cần quan tâm xem tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mục lục, lời tựa... Nhiều người không quan tâm đến vấn đề này thường sẽ lúng túng khi tiếp cận, nghiên cứu tác phẩm.

Sau đó, việc đọc từng chương, nhanh hay chậm là tùy theo mục đích vạch ra của

người đọc. Người đọc cần phải đọc kỹ và phải ghi chép lại những thuật ngữ khó hiểu, những chỗ diễn đạt phức tạp để hỏi thầy cô hay những người am hiểu về vấn đề đó.

Việc ghi chép khi đọc sách là cần thiết, là tất yếu. Bởi nó sẽ giúp chúng ta tăng cường khả năng ghi nhớ, có sản phẩm để truy cứu khi cần thiết.

Theo kinh nghiệm của chúng tôi, việc ghi chép khi đọc sách có nhiều kiểu tùy theo mục đích tiếp cận :

(1) Ghi chép kiểu đề cương là ghi lại những vấn đề cơ bản của nội dung cuốn sách. Có thể ghi đề cương sơ lược hoặc chi tiết.

(2) Ghi chép kiểu trích dẫn là chép lại nguyên văn một câu nói, một luận điểm của tác giả, của lãnh tụ vĩ nhân, hay của danh nhân; của đường lối cách mạng theo từng chuyên đề nghiên cứu. Vấn đề này chúng tôi đã áp dụng cho việc dạy và học môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt. Đương nhiên việc trích dẫn phải thật khoa học và chính xác.

(3) Ghi chép theo luận đề là hình thức trình bày ngắn gọn một luận điểm nào đó của tác giả một cách khái quát và xúc tích.

2. Phương pháp lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch tự học

Đây cũng là một vấn đề quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo cho sinh viên, nhất là việc làm cho năng lực tự học của sinh viên được hình thành và phát triển, để các em quen dần với việc tự học, tự nghiên cứu. Năng lực này rất cần thiết cho người học mà phải rèn luyện mới có.

Trước hết, phải lường tượng ra các công việc của người học trong ngày với các nội dung trong và ngoài giờ lên lớp:

- Dự các buổi học theo thời khoá biểu
- Chuẩn bị cho các buổi học cá nhân (tự học), học nhóm
- Chuẩn bị làm bài tập thực hành
- Tham gia các hoạt động ngoại khoá, hoạt động giải trí: văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao...

Vấn đề xây dựng kế hoạch cần phải rành mạch rõ ràng, nội dung công việc sắp xếp phải khoa học thì khi thực hiện mới triệt để và đạt hiệu quả cao.

Lưu ý: Phải giữ đúng nguyên tắc làm việc khoa học, giờ nào việc nấy, tránh để chồng chéo công việc do tranh thủ, do bị

động kế hoạch ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và nghiên cứu.

3. Phương pháp thảo luận theo tổ nhóm

Người xưa đã đúc kết thật chí lí: “Học thầy không tày học bạn”. Đối với các môn lí luận thì việc học theo tổ, nhóm, thảo luận sẽ lại càng cần thiết.

Thực sự phương pháp này chứa đựng nhiều ưu điểm trên các mặt như:

- Nâng cao nhận thức (để thuộc bài)
- Học tập lẫn nhau (cách diễn đạt, năng lực khái quát)
- Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, bản lĩnh, phát triển năng lực tư duy...

Lưu ý: Cách tổ chức đơn giản, thiết thực, cụ thể và hiệu quả; tránh cầu kì, hình thức.

SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP...

(Tiếp theo trang 7)

gây bệnh cấp tính, làm cho ấu trùng muỗi bị chết trong khoảng 48 giờ. Lợi ích thì đã biết rõ, nhưng phương pháp thích hợp để sản xuất hàng loạt chế phẩm virus này thì vẫn đang phải tìm tòi quy trình công nghệ.

5. Nhân tố sinh học ảnh hưởng tới hiệu quả của biện pháp sinh học

Khi đã sản xuất được các chế phẩm sinh học đủ mạnh để khống chế sự phát triển của côn trùng truyền bệnh là cần thiết song hiệu quả sử dụng chúng vẫn còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trước hết cần có số liệu

điều tra chính xác về các thành phần sinh vật của môi trường, về các yếu tố khí hậu địa phương và các yếu tố khác có liên hệ đến các yếu tố sinh học sẽ được sử dụng.

Giả sử, có một lượng lớn trứng muỗi *Toxorhynchites* và đưa những trứng đó vào môi trường có muỗi độc đang sinh sản, nghĩa là môi trường có ấu trùng muỗi “độc”, là loài muỗi hút máu người và động vật. Nhưng hiệu quả có thể mất hoàn toàn, nếu các điều kiện thời tiết không cho phép trứng muỗi *Toxorhynchites* nở đúng lúc cần thiết, hoặc trong môi trường đó lại có những sinh vật khác thích ăn ấu trùng muỗi này.

N.T.L

(Tập hợp từ tài liệu nước ngoài)

VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

TRẦN CÔNG TẤN

(Bộ môn Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên)

TRONG môi trường giáo dục đại học, việc hướng dẫn sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Người giảng viên phải phát hiện ra các đề tài, dự kiến được kết quả thu được thì mới có khả năng hướng dẫn sinh viên. Về phần mình, sinh viên phải có năng lực tìm tòi, sáng tạo thì mới giải quyết được vấn đề, thu lượm được những sản phẩm từ công việc nghiên cứu mà người hướng dẫn giao cho. Tuy nhiên, việc có được những đề tài nghiên cứu đặc biệt là những đề tài hay là không dễ. Trong suốt thời gian thực hiện chương trình đại học và cao đẳng sư phạm mới, qua những đợt tập huấn hội thảo về phương pháp dạy học, chúng tôi thật sự thấy rằng để sinh viên sau khi ra trường có khả năng độc lập nghiên cứu, không ngừng cập nhật kiến thức nhằm hoàn thiện mình, thực hiện phương pháp dạy học mới một cách chất lượng hiệu quả thì nhà trường sư phạm phải đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đưa hoạt động này trở nên "phổ thông đối với mọi sinh viên".

Thực trạng hiện nay, trong nhiều trường hoạt động này còn rất nhiều hạn chế. Chúng tôi thật sự rất quan tâm đến hoạt động này và luôn vấp phải những khó khăn, chẳng hạn:

- Làm sao để mọi sinh viên đều được tham gia và tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, kể cả sinh viên năm đầu tiên với vốn kiến thức còn ít ỏi.

- Làm sao để sinh viên đều ít nhiều được làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học trong đa số tiết học của bất kì học phần nào.

- Trong số các môn học, môn nào thích hợp nhất, gần gũi nhất để chọn lựa tập dượt cho sinh viên nghiên cứu khoa học.

- Làm sao để luôn có thể tìm ra những đề tài nghiên cứu trên cơ sở tài liệu chủ yếu là các giáo trình và sau mỗi năm hạn chế việc lặp lại các đề tài.

Đối với bộ môn Toán học, thực ra hiểu một cách đơn giản, muốn có một sản phẩm nghiên cứu thì phải đặt ra được một bài toán xuất phát từ một nhu cầu nào đó và giải quyết nó. Bài toán càng có ý nghĩa thì đề tài càng hứa hẹn có nhiều giá trị. Cho nên, theo chúng tôi để tập cho sinh viên bước đầu làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học thì điều trước tiên phải tập cho sinh viên biết nhìn nhận, đánh giá và khai thác các nội dung toán học trong các môn học trên cơ sở đó đặt ra các bài toán mới, tìm ra các đề tài nghiên cứu.

Về khả năng này, sinh viên được rèn luyện rất bài bản, hệ thống khi học môn *Thực hành giải toán sơ cấp (Đại số, Hình học)*. Việc khai thác bài toán được thực hiện khi đã giải xong đề toán và được tiến hành cho các bài tập toán cá biệt. Chúng tôi đánh giá rất cao năng lực khai thác bài toán và cho rằng nếu năng lực này luôn được tận dụng, rèn luyện thì người học càng có điều kiện để tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Kiến thức toán học được thể hiện ở những định lí, mệnh đề, hệ quả. Đây là những bài toán phổ biến, không mang tính cá biệt như đa số các bài tập. Như vậy khi khai thác chúng, chắc chắn ta cũng sẽ thu được các bài toán mới là các mệnh đề, định lí.

Chúng ta có thể tìm ra nhiều vấn đề thú vị nếu người học cũng như người dạy quan tâm và tận dụng năng lực khai thác bài toán vào việc khai thác các nội dung kiến thức trong bất kì

(Xem tiếp trang 23)

SOME THOUGHTS ON TEACHING OF ENGLISH TO BEGINNING SPEAKERS

MA NGUYEN VAN HUNG - FL DEPT

WHEN little children learn their first language, they learn through their own experiences. Except for incidental words or phrases, no one even tries to teach them either vocabulary or grammar. They develop their sense of language by being in an environment where they hear using language to share ideas, for real communication. Mothers and sometimes other people 'talk' to babies, but they use a special kind of 'baby talk'. They do not try to converse in any real sense. When babies want to communicate an idea, they make loud noises and may become very angry if people do not understand them and hurry to meet their needs. Gradually babies begin to use 'words' to communicate an idea. They may even use one or two words to communicate a whole sentence. Listeners, mostly mothers, must then guess what the baby means by that word or two. As mothers listen, they learn the baby's language. Sometimes, they interpret the baby's ideas to other people. As time passes and the baby continues to hear ideas in real situations and as people 'talk' to him, the baby's vocabulary and sense of grammar increases without any formal teaching. By the time the child begins his formal education he has acquired a sense of the grammar of his language and has a large enough vocabulary to satisfy his needs.

When teachers begin teaching English to Vietnamese students, the situation is not the same. Students who are beginning to learn English do not have as much time to develop a sense of English as they had when they were babies developing a sense of Vietnamese. Students don't want to take so much time to learn English. They want to learn it quickly and if they cannot, they often become bored. Secondly, students already have a means of communication. If they can't say something in

English, they can always use Vietnamese. Thus the motivation to learn another language is not as strong as it was when the only means they had to communicate was to make loud noises. Thirdly, when students begin learning English, most often it is as a subject in school and students must learn it as such. They must take tests and pass them. English is almost never used as a means to communicate an idea. Students, often enforced by teachers, are expected to use grammatically correct English sentences which may make them afraid to even try to speak. They would rather say nothing than make a mistake that others might hear and laugh at. The teacher often explains English words and sentence patterns in the students' native language, thus emphasizing that, as a means of communication, English is not very useful, at least not at the present. The students may also begin to feel that the teacher thinks they are not capable of learning by themselves, that if the teacher did not explain things to them they would never learn. Being in school has somehow reduced the level of confidence they had in themselves as learners that they had when they were babies.

From the very beginning of learning, students ought to have the opportunity to "think" in English, to hear ideas the way they can "see" and have time and opportunity to make connections between the sounds they hear and the situations they observe with their own eyes. It would be well if students would feel that what they said and how they said was accepted as communication, without having to meet a standard before people would pay attention to them.

There are sounds in English that are very much like sounds in Vietnamese. There are sounds in English that are similar to sounds in Vietnamese, but not exactly the same. Probably

there are sounds in English that are not in Vietnamese at all. Babies, when they are learning Vietnamese, hear the many different sounds and subconsciously “play” with them in their minds and with their mouths. When students begin to learn English they need to hear those sounds and play with them, too. The process can be speeded up a little by helping them attach meaning to what they hear.

Some sounds can be taught through the use of numbers. The numerals 1, 2, 3, 4, 5 can be written on the blackboard. The students already know the meaning of the numerals. The teacher, pointing to each numeral, could say it several times for students to hear. They need to hear the “thr” of 3 and the “v” of 5. The students should be encouraged to listen, not repeat. They can speak when they feel comfortable doing so. The numerals could be erased. The teacher could say a number and ask students to show with their fingers the number they think they heard. When it appears that students recognize the numbers when they hear them spoken, the teacher could use his fingers to indicate a number and let students, both as a group and individually, tell him what number he is indicating with his fingers. No attempt should be made to “correct” a student’s pronunciation. No attempt should be made to “correct” a student’s pronunciation. If the teacher hears pronunciations that are incorrect, he ought to show with his fingers the number and say it for students to listen to. Let them listen and make the correction in their own minds.

If the teacher wanted to give students additional experience with those numbers, he could, for instance, show three fingers and say, “three fingers”. He could show three books to them and say, “three pens”. He could point to one, two, three students and say, “three students”. The teacher ought not tell the students in their language the meaning of “fingers” “books” “pens” “students”. He could let the students make the connections themselves between the sounds they hear and the objects they see. After doing that 3 - 4 times, the teacher could say, “three fingers” and expect students to show him

three fingers. He could say, “three books” and expect students to show him three books, etc.

When student seem to have an understanding of those first five numbers, the numbers 6 - 10 could be written on the blackboard and the teacher pointing to these numerals could say the numbers for the students to hear. Students need to hear the “ks” of 6, the “v” and final “n” of 7, the “ei” and “t” of 8, the final “n” of both 9 and 10. The teacher could use the same procedure with these five as he did with the first five.

A second step could also begin to incorporate a sense of English grammar along with additional practice with the sounds of English. The teacher could show a pen to students and say, “a pen”. He could show them several different pens and each time say “a pen”. He could then show them pens of different colors and say, for instance, “a red pen” “a blue pen” “a green pen”, “a black pen” “a white pen”. Students are learning, without being told, that single word adjectives precede the nouns they modify. The teacher could say, for instance, “a red pen” and ask students to show him one. Later the teacher could show a red pen to students and ask them to tell him what it is.

The teacher could show two, or three, or four red pens to students and say, “two red pens”. The students could be learning that the number adjective precedes the color adjective and that plural nouns usually have a plural indicator, commonly the “s” or “z” sound. The students would learn these things without being told by the teacher, without hearing an explanation in Vietnamese. The student would be developing a sense of confidence in himself that he can learn the language by himself. The more confidence he has in himself, the more he may be willing to try new ideas as well as to begin to use what he has already learned.

The teacher could teach the words “book, box, table” by showing them to students and saying the words as he taught the word “pen”. He could then pick up, for instance, a red pen

and put it on a blue book. He could say, "I put a red pen on a blue book", letting students see what he is doing. He could pick up a different colored pen and put it on a different book, or on a box, or on a table and at the same time tell students what he did. In doing this he is helping students experience the subject, verb, direct object, adverbial phrase sentence structure. Students need to hear that structure being used in many different situations using different objects. It is not enough to repeat the same sentence many times. Students need to experience a structure in different situations with different situations with different objects being used or the same objects used differently.

When students seem to understand, then take the pens off the books and boxes. Say, for instance, "Put a yellow pen on a white box". Using your hands and/or the expression on your face, invite a student to come and do what you said. You may need to repeat, "Put a yellow pen on a white box". When someone has done so, then say to him, "You put a yellow pen on a white box". You could also say to the class, "He (She) put a yellow pen on a white box". Give another "command" and wait for another student to volunteer. Give more "commands" and give other students opportunities to volunteer. Each time a student has done something, tell him and the class what they say what he has done. You could also encourage the class to say what they saw done. Some of the students might also like to give "commands". When you tell a student or the class what a student has done you are using four important pronouns: I, you, he, she.

Using the objects you have already introduced, you could also add the word: give. You could say, "Give a blue pen to me". Then tell him, "You gave a blue pen to me", and "He gave a blue pen to me". Use the word "gave" without explaining that it is a past tense verb. If a student asks, simply tell him it is a past tense form and he'll be having more experience with such words later. Also have situations where you can say, "He gave a pen to you". "He gave a pen to her (him)". "Ha gave a pen to me".

You can introduce the idea of past tense using the objects you have been using. Put a red pen on a white box and say, "A red pen is on a (the) white box". Wait a few seconds, then put that red pen on a blue book. Wait a few seconds and say, "the red pen is on a (the) blue book". Pointing to the white box, say "The red pen was on the white box". Let students see and hear enough examples that they "feel" the idea of past tense.

About this time, you may also want to introduce the plural form of "be". Put a red pen on blue book and say, "A (one) red pen is on a blue book". Put a second pen there and say, "Two pens are on a blue book". After several examples, you could also use the past tense, both "was" and "were".

Using realistic situations to help student experience English will not only help them learn English, but will help them to develop their own self-confidence. They will begin to believe in themselves, that they are capable of learning, that they don't need someone to explain English sentences to them in Vietnamese. As babies they learned Vietnamese. As students they can learn English.

Almost all basic English structures can be taught realistically. Some teachers may very well say that it would take a lot of time to develop such situations and for students to learn from those situations. They may say that explanations in Vietnamese could be given much more quickly. And that is true! But students will remember longer that which they experience realistically. The teacher will not need to explain again and again making students feel they are incapable of learning.

Of course, the few situations suggested above are only a beginning in the student's experience with English. The teacher will want to develop his own ideas on what to use and how to use realistic situations to help students learn. But as students develop their ability to use English, the teacher also becomes more confident of himself as a teacher.

Mạn họa -

MỘT HÌNH THỨC ĐỒ HỌA ĐẦY SINH KHÍ

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội luôn tồn tại hai mặt đó là: Sự tiến bộ, cái tích cực đối lập với sự lạc hậu, cái tiêu cực. Ca ngợi cái tích cực, đấu tranh với cái tiêu cực nhằm lành mạnh hoá xã hội xây dựng một xã hội tiến bộ, văn minh và dân chủ bằng nhiều con đường.

Con đường nghệ thuật đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và cải tạo xã hội với những ngôn ngữ riêng, những hình thức biểu đạt phong phú.

Mạn họa là một hình thức của nghệ thuật đồ họa. Sử dụng những hình ảnh cường điệu, hoạt kê, thậm xưng..., mạn họa tạo ra những vẽ đặc thù vừa có thể ca ngợi, châm chích hoặc đả kích theo lối trào lộng, trào phúng trong xã hội con người, với nội dung, hình thức vừa mang tính phổ cập, vừa mang tính nghệ thuật tạo hình cao làm cho người xem bật tiếng cười đầy khoái cảm vừa hài hước, vừa sâu lắng trong suy tư. Những hình thức biểu đạt mạn họa được thể hiện trong tranh khắc dân gian một số nước Châu Á do nghệ nhân vẽ từ xa xưa như ở Việt Nam có: Đám cưới chuột, Hứng dừa, Đánh ghen... Trong điêu khắc dân gian Đình làng của người Việt, trong tranh truyền Trung Quốc, Nhật Bản (Manga), trong tranh biếm họa (caricature) của các họa sĩ: Hô-cu-sai (Nhật Bản); Đơ-mi-ê (Pháp), An-ni-ba-lơ Ca-rác-xi (Anh), Ê-phi-mốp, Cuc-ru-nhich-xu (Nga)... Ở Việt Nam có: Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Nghiêm, Chóe, Hoàng Lập Ngôn...

Nghiên cứu mạn họa một cách nghiêm túc để thưởng thức được vẻ đẹp ngộ nghĩnh, hấp dẫn; ý nghĩa sâu sắc của mạn họa trong nghệ thuật đồ họa cũng như tác dụng của nó trong

Hs. ThS. NGUYỄN THÀNH VIỆT

cuộc sống. Từ đó khẳng định được vị trí của mạn họa, tránh được sự hiểu sai lệch cho rằng thưởng thức mạn họa chỉ đem lại sự khó chịu cho thị giác.

2. MẠN HỌA LÀ GÌ?

Theo từ điển Hán Việt chữ “họa” (画) là vẽ chữ “Mạn” (漫) là nước tràn bờ, không bó buộc.

Vậy mạn họa là sự vẽ quá lên, vượt lên, ra khỏi ranh giới của hình ảnh thực với hình thức cường điệu sự việc bằng ngôn ngữ hình, mảng và nét làm cho nội dung của chủ đề được nhấn mạnh.

Hình vẽ trong mạn họa tự do phóng khoáng tới mức thần diệu, biểu đạt được cái thần của đối tượng phản ánh, dễ dàng đi vào lòng người bởi sự dễ hiểu, gần gũi. Thưởng thức mạn họa ta thấy có cái là lạ, ngộ ngộ, sâu sắc rất cường điệu, tới mức ngơa ngoắt mà vẫn thật. Để hài hước, để răn dạy, để đả kích một cách nhẹ nhàng mà thâm thúy (tranh biếm họa); đó là chức năng xã hội tiêu biểu của mạn họa.

Do tính chất và đặc điểm riêng, tác dụng của ngôn ngữ trong nghệ thuật mạn họa là nhấn mạnh hình, nét, cho nên từ đơn giản đến khái quát, hình tượng mạn họa trở nên hấp dẫn, cuốn hút vô cùng. Có thể nói, mạn họa là một hình thức đồ họa đầy sinh khí.

Để hiểu rõ đặc trưng của mạn họa, cần thiết phải nắm được một số thuật ngữ sau:

Manga (漫画): Thuật ngữ này có nguồn gốc Nhật Bản, dùng để chỉ truyện tranh. Trong tiếng Nhật, từ Mangaka tương ứng với họa sĩ vẽ truyện tranh, người chuyên viết, vẽ Manga.

- **Biếm họa** (caricature) : Lối vẽ có nội dung, đường nét, hình khối, đặc điểm nhân vật được bóp méo hoặc bị làm biến dạng và mang tính kì cục, khôi hài nhằm đả kích, gây cười, châm biếm người hoặc sự việc nào đó.

+ Tranh đả kích là thể loại tranh phê phán chỉ trích gay gắt, thường đối với phía đối lập hoặc coi là đối lập.

+ Tranh châm biếm là chế diễu một cách hài hước, tế nhị, hóm hỉnh nhằm phê phán, hoặc đả kích nhẹ nhàng

+ Tranh vui (cartoon, comics) còn được gọi là *hí họa*, là thể loại tranh biếm họa dùng để gây cười làm cho con người thư giãn hoặc nhắc nhở thói hư tật xấu một cách nhẹ nhàng.

3. MỘT SỐ BIỂU HIỆN MẠN HỌA TRONG NGHỆ THUẬT ĐỒ HỌA

3.1. Tranh biếm họa (Tranh đả kích, tranh châm biếm, tranh vui)

Tranh biếm họa ra đời từ rất lâu, nảy sinh do nhu cầu thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Tranh vẽ theo lối biếm họa luôn gắn liền với hoạt động thực tiễn chính trị, xã hội, thời sự; có loại tranh châm biếm khôi hài, có loại đả kích cái xấu, mỉa mai hoặc phê bình chế giễu thói hư tật xấu trong cuộc sống, hủ tục văn hoá cũ hay một đường lối chính trị để đấu tranh bảo vệ chính nghĩa, bảo vệ cái tốt, cái tiến bộ... Vì vậy, biếm họa mang tính quần chúng và khả năng hoạt động của nó rất rộng rãi, đa dạng.

Họa sĩ vẽ biếm họa phải thông thạo tin tức và tình hình thời sự, có lập trường rõ ràng. Sử dụng nguyên tắc vẽ biếm họa họa sĩ đã cường điệu những nét đặc trưng của từng bộ phận, từng nét mặt, từng người và cảnh vật tùy theo dụng ý và quan điểm nhìn sự vật của họa sĩ. Họ có nhận xét sắc sảo và nhạy bén, nhanh chóng nắm bắt đặc điểm tính cách của đối tượng, chọn lọc những nét điển hình để diễn đạt và tô đậm đặc trưng đó trên tranh.

Ở Việt Nam, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hầu hết

các báo đều có in tranh đả kích, châm biếm. Những năm gần đây Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật, Hội Mĩ thuật Việt Nam thỉnh thoảng có triển lãm tranh biếm họa thu hút được đông đảo người xem. Gần đây một số tờ báo quy tụ được những cây bút hàng đầu ở Việt Nam như : *Tuổi trẻ cười* (thành phố Hồ Chí Minh), *Thư giãn Hà Nội*.

Một số tài liệu của người Anh cho rằng: An-ni-ba-lơ Ca-rắc-xi (1560 - 1609) họa sĩ xứ Bồ Lô Nha là người sáng tạo ra lối vẽ biếm họa được phát triển mạnh.

Những năm chính trị căng thẳng ở Pháp khoảng thế kỉ XIX đã tạo ra họa sĩ biếm họa vĩ đại Đơ-mi-ê (1808 - 1879).

Không có bất kỳ tờ báo hàng ngày có uy tín nào trên thế giới mà lại không có tranh biếm họa. Nhu cầu xã hội về biếm họa ngày càng lớn, vượt xa khả năng xuất bản và triển lãm, nhu cầu chính đáng này của công chúng đã gây một sức ép đòi hỏi phải có một cách nhìn khách quan, xác đáng cho loại hình nghệ thuật đặc biệt này. Bên cạnh các triển lãm biếm họa khuôn khổ quốc gia, hàng năm ở nhiều nước có rất nhiều cuộc triển lãm, thi biếm họa quốc tế như ở Tokyo (Nhật), Motreal (Canada), Sidney (Úc), Knokke (Bỉ), Gabrovo (Bungari)... luôn hấp dẫn mọi người, trở thành những điểm thu hút công chúng và du khách như ngày hội. Ở Knokke - Heist, một thành phố nhỏ có khoảng 35.000 dân nằm ở ven biển Bỉ thì cuộc thi biếm họa quốc tế (quy mô : ít nhất có trên 500 họa sĩ biếm họa gửi trên 3.000 tranh đến dự thi) hàng năm vào mùa nghỉ hè với sự có mặt trên 120.000 khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới quả là một sự kiện lớn. Ngoài ra, mỗi năm lại có thêm một nước giới thiệu tranh biếm họa của nước mình ở đó. Bên cạnh đó là cuộc thi "Sách biếm họa đẹp nhất của năm". Rất nhiều họa sĩ biếm họa có tiếng trên thế giới cho rằng, về quy mô và ý nghĩa, cuộc thi biếm họa quốc tế hàng năm ở Knokke là quan trọng nhất. Cuộc thi này lần đầu được tổ chức vào năm 1962, chỉ mang tính chất nội bộ của Bỉ, nhưng đến năm 1986 thì trở thành thi quốc tế với chủ đề đầy nhân đạo : "Con

người muốn cười” với một mục tiêu cụ thể: “Phải làm cho biếm họa được công nhận là một hình thức nghệ thuật khác”.

Một thể loại biếm họa khác ngày càng được ưa chuộng là chân dung biếm họa các nhà hiền triết, chính trị gia, các kẻ độc tài, các trùm khủng bố... Đây luôn là đối tượng của chân dung biếm từ Socrate, Napoleon, Marx, Einstein, Saddam Hussein, Bush, Bil Laden... Nguyên Tổng thống Mỹ Nixon đã ném bom hủy diệt Bắc Việt Nam đã bị hàng trăm họa sĩ biếm họa có tên tuổi trên thế giới lúc bấy giờ lên án với cái mặt hiệu chiến hình quả lê không thể trộn lẫn vào đâu được.

Quá trình sáng tác của các họa sĩ biếm họa vô cùng đa dạng, nhiều khi chỉ vì cố mang lại một tiếng cười cho mọi người mà họ phải đập trán, vò đầu, bóp má, nhăn mày, nhăn mặt tháo cúc cổ... hay lầm nhảm một câu vô nghĩa rồi một tay kéo tóc. Có họa sĩ bật dậy như một cái lò xo lúc một hay hai giờ sáng trong sự hốt hoảng của vợ con rồi loay hoay ghi vội một ý tranh chọt đến trong giấc ngủ chập chờn của mình để khỏi quên mất.

Để hiểu được tranh biếm họa, người xem phải suy nghĩ, tìm tòi cho được cái lõi ẩn ý, lấp lửng của tranh vì không phải ý tranh nào cũng phơi bày ra ngay một cách đơn giản. Biếm họa đòi hỏi chính người xem tự hoàn thiện bản thân mình.

Càng ngày đối ngữ họa sĩ biếm họa trên thế giới càng trở nên đông đảo hơn và trở thành



H1. Giàu lòng bác ái - NGUYỄN ÁI QUỐC

một lực lượng đáng kể trong giới mỹ thuật nói chung. Người ta đã buộc phải đánh giá đúng mức vai trò của nó. Thay vì treo cổ các họa sĩ biếm họa như trước đây, ngày nay người ta lại tranh nhau treo tranh của họ. Thế mới biết, thế giới của chúng ta chính là một bức tranh biếm họa vĩ đại (Ly Trục Dũng - Báo Tia sáng).

3.1.1. Tranh đả kích

Tranh đả kích là loại tranh dùng hình vẽ được cường điệu tới mức độ cao nhằm công kích quyết liệt không khoan nhượng với kẻ thù, nhằm vạch trần những âm mưu thâm độc, thủ đoạn xảo quyệt để bảo vệ chính nghĩa.

Đối tượng là kẻ thù dân tộc, là kẻ thù cuộc sống. Phương thức: Đánh thẳng kẻ thù. Mục tiêu: Phủ nhận đối tượng

Đặc trưng ngôn ngữ ở loại tranh này là hình, nét được người vẽ sử dụng một cách hữu hiệu để nhấn mạnh thể hiện nét mặt, cử chỉ, hành động bằng hình hài xấu xí, hung dữ thậm chí biến thành hình con vật độc ác để tố cáo trước dư luận rộng rãi trên các phương tiện thông tin.

Tranh *Giàu lòng bác ái* (H1) của Nguyễn Ái Quốc vẽ một người phu kéo xe tay (một loại xe kéo phổ biến thế kỷ XIX ở nước ta) trên đó nằm phưỡn bụng là thằng Tây to béo, gấp nhiều lần so với người phu. Hình ảnh tạo hiệu quả tương phản mạnh: người phu dáng vẻ tiêu tụy rách rưới, thằng Tây phề phỡn trong no đủ và hách dịch nằm khểnh chân vắt chéo miệng hút thuốc mồm quát mắng. Tranh *Giàu lòng bác ái*



H2. Vịnh Nghệ Ngô - TRỊNH THIỆP

tổ cáo chế độ thực dân đô hộ áp bức người dân bản xứ, tố cáo bộ mặt giả nhân giả nghĩa che giấu trước nhân dân lao động Pháp và thế giới.

Vịnh Nghè Ngô tranh và lời của Trịnh Thiệp. Tác giả đã mô tả được bộ mặt xấu xa, ghê tởm và tàn ác của Ngô Đình Diệm, tên bán nước buôn dân tay sai của đế quốc Mỹ xâm lược. Người xem thấy rõ bù nhìn Diệm ngồi vững được trên chiếc ngai vàng mục nát là nhờ vào sức mạnh bom đạn và sự cứu mạng che chở của đế quốc Mỹ, lại thêm 4 câu thơ và chú thích. Một lần nữa khẳng định thêm Ngô Đình Diệm là tên tay sai đắc lực nhất trong các tên tay sai của đế quốc Mỹ. Tranh và lời kết hợp rất nhuần nhuyễn và sâu sắc làm cho tăng lên sức mạnh đả kích tên bán nước buôn dân, bù nhìn. Rất tâm đắc người xem.

Cũng cờ cũng biển cũng cân đai

Tiến sĩ hai hàm có kèm ai

Bán nước buôn dân to kết bạc

Bù nhìn xứng đáng một tay sai

3.1.2. Tranh châm biếm

Tranh châm biếm phê phán những thủ tục, những thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân như hách dịch, cửa quyền, tham ô, hối lộ v.v... Thị hình tượng khuếch trương những đặc điểm nhân vật, sự việc, chỉ mang tính chất gây vui, gây cười nên châm và biếm thường đi đôi với nhau trong một bức tranh hỗ trợ nhau thực hiện

nhiệm vụ giễu cợt mỉa mai, nét vẽ không tàn nhẫn ác ý, nhưng trong trường hợp thấy cần thiết phải phê phán mạnh tay thì biếm họa mang tính chất răn đe giáo dục, họ thân ái phê bình những khuyết điểm bằng những châm biếm sâu sắc khác như trào lộng, khôi hài, gây tiếng cười để người có tật mới dễ tiếp thu. Có nhiều tật xấu nếu lên án đôi khi còn kém tác dụng thì biếm họa lại làm cho người bị phê phán, chế giễu giật mình hoảng sợ.

Đối tượng là cái cũ, lạc hậu nó đã trở thành thực sự xấu còn lẫn lộn giữa nội bộ nhân dân.

Phương thức: Chỉ trích, phê bình, kiên quyết loại bỏ nó, làm cho nó lạnh nhạt, khỏe khoắn đẹp đẽ.

Trong tranh biếm họa nội dung thường gắn liền với các hoạt động thực tiễn chính trị, xã hội, thời sự. Có loại tranh châm biếm khôi hài, có loại đả kích thói hư tật xấu trong cuộc sống. Trong tranh "Quyền tự do ngôn luận" - in đá của họa sĩ Đơmiê (H3) vẽ một người đàn ông trong tư thế hãnh diện, chân đứng với tư thế oai phong, tự tin, trang phục xộc xệch, ngực phanh, thất lưng căng tròn, tay áo xắn cao, hai tay nắm chắc, không dám nhìn thẳng, người xem thấy được cả một sự hài hước. Phía xa là những đại diện của các cơ quan ngôn luận với hình thể xiêu vẹo đang ôn ào tập trung hướng về nhân vật chính trong tranh. Bằng những đường nét khôi hài, đơn giản họa sĩ đã đưa ra được hình ảnh tượng trưng giễu cợt, núp dưới cái vỏ "chân chính".



H3. Quyền tự do ngôn luận - ĐƠ-MI-Ê



H4. Gieo mầm - KÊ-TO-CÔ-VIT

Trong bố cục khép kín tưởng như đối xứng, ba đứa trẻ đang sợ hãi cơ mình trong thân hình và cánh tay của một nhân vật đang có trạng thái tinh thần không bình thường của bức tranh "Gieo mầm" của họa sĩ Kê tơ Cồ-vít.

Tranh Thi cử ngày nay H5 là một hồi chuông cảnh tỉnh cho xã hội về vấn đề tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích. Cần phải nhận thức rõ sự nguy hiểm của nó trong tranh ta thấy quan chức thì ngồi chễm chệ trên ghế bành để phác thảo chiến lược giáo dục, xa rời thực tế, báo cáo đứng trên bục cao bỏ mặc cho thi cử loạn xạ và tiêu cực, cuối cùng kết quả cho ra đời một lũ cử nhân ngu dốt chỉ là những cái máy in và những đồng tiền bản thủ ních đầy cái bụng béo tốt.

Đặc điểm nhân vật được tác giả thổi phồng lên ở cái thân hình mập mạp của những kẻ không lao động chân chính lại muốn nhiều tiền để tiêu xài với cái bụng tròn như quả bóng.

3.1.3. Tranh vui

Tranh vui còn gọi là tranh hài hước hay khôi hài, với tính chất vô thương vô phạt không nhằm chế giễu ai, chỉ có mục đích gây cười tình nghịch làm cho con người vui vẻ, thoải mái. Khôi hài: Gọi là hài kịch bông đùa có tác dụng giải trí lành mạnh, giáo dục nhẹ nhàng thấm thía.



H5. Thi cử ngày nay - KHÊU

Hình trong tranh vui với những đặc trưng nhân vật ngộ nghĩnh, hóm hỉnh gây được tiếng cười cho người xem có thể là tiếng cười hồn nhiên vui vẻ hoặc tiếng cười hóm hỉnh đầy khoái cảm. Ngược lại tranh vui không gây được niềm vui cho người xem hoặc sự sáng khoái về mặt tinh thần tranh sẽ trở thành khô khan, nhạt nhẽo và vô duyên...

Tranh vui của Bùi Xuân Phái H6 in trong tạp chí "Indochine" No 220 ngày 16/11/1944 nhân triển lãm cuối cùng của trường Cao đẳng mỹ thuật Đông Dương tại nhà thông tin phố Tràng Tiền Hà Nội, từ trái sang: Hiệu trưởng Evariste Jonchere (trên cao) Nam Sơn, Tô Ngọc Vân, Inguimberty, Cresson (Giám đốc nhà thông tin) và bà quản trị.

Tóm lại tranh biếm họa với vóc dáng hình hài tuy nhỏ bé, màu sắc giản dị nhưng với đôi mắt tinh tế và ngòi bút sắc sảo của các họa sĩ biếm họa đã khắc họa nên những hình ảnh đả kích, châm biếm hay khôi hài tưởng như không có thật mà rất thật và được mọi người công nhận.

Ta có thể nói những hình tượng biếm họa được nêu lên giống như một con dao nhỏ, nhọn và sắc bén bởi vì ngòi bút biếm họa có những đặc trưng là không bao giờ được dung hòa hay khách khí mà nó vạch rõ sự thật, xấu, tốt, thiện, ác, trắng, đen, rạch ròi, phải, trái, minh bạch rõ ràng.

Biếm họa không đi vào cái đẹp hoa mỹ, hoàn chỉnh gây cảm xúc của hội họa, cái toàn thể nói chung mà luôn khái quát hoá, cô đọng đến mức tối đa phần lớn với các đường nét, những điểm chấm phá chỉ nhằm lột tả, không cần thiết làm loãng ý tranh thường được gạt bỏ. Biếm họa có lợi thế đặc biệt trong khả năng thực hiện là cường điệu bóp méo đến mức tối đa hình họa.

3.2. Tranh dân gian

Trong tranh dân gian, nghệ nhân dân gian đã tạo sản phẩm dựa trên kinh nghiệm "Chia truyền con nối" bằng sự khéo léo của đôi tay. Trong mỗi sản phẩm ấy đều mang nét độc đáo

riêng. Tờ tranh do được tập thể những người lao động sáng tác lại được chắt lọc qua nhiều thế hệ. Cái đọng lại trong tranh là cái đẹp phóng khoáng, khoẻ mạnh, đậm đà, tinh giản, nhưng vẫn tươi mát hồn hậu và dí dỏm.

Các nghệ nhân làm tranh sống cuộc sống của người lao động, họ hiểu rõ cái họ vẽ ra, không chỉ nắm chắc ngoại hình mà còn tường tận cả nội tâm nữa, họ nắm bắt được cuộc sống của các nhân vật để rồi tái tạo không phải sao chép lại thực tế mà bằng lối tạo hình, gạn lọc đường nét và màu sắc, sắp xếp lại cho thuận mắt, nâng lên trạng thái nghệ thuật. Các nghệ nhân không vẽ những gì xa lạ, họ chỉ vẽ những cái mà họ và quần chúng đều thấy, hay ít ra là đều nghĩ đến và đều thấu hiểu.

Trong quá trình xây dựng hình tượng, nghệ nhân không bị ràng buộc bởi những cái vụn vặt

của hình mẫu. Từ những cái họ thường gặp đã dẫn động lại trong đầu một hình tượng không cá thể nhưng thật tiêu biểu. Nghệ nhân cũng không bị lệ thuộc bởi những định luật, phép tắc, trường quy nào cả. Họ được tự do sáng tác theo sự suy nghĩ và sự thôi thúc của tình cảm. Lý và tình đã quyện với nhau để cùng làm sáng tỏ chủ đề tư tưởng bằng những hình tượng gây ấn tượng mạnh mẽ cho người xem. Do khái quát cao, hình trong tranh vừa hư vừa thực, khiến người xem thuận mắt, nghĩ thuận tình ngắm mãi không chán.

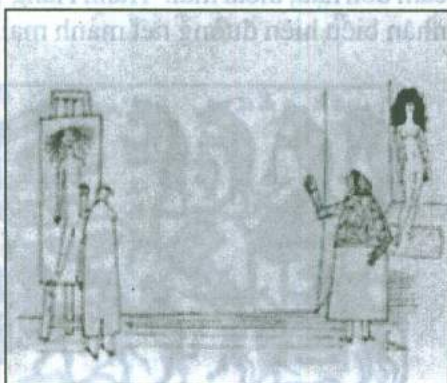
Các nghệ nhân làm tranh không học ở trường chính quy nào cả, nhưng họ học suốt cuộc đời, học trong cuộc sống, lăn lộn với nghề từ nhỏ, tiếp nhận kinh nghiệm của lớp người trước, chan hoà với quần chúng, tạo được sự đồng cảm với người thưởng thức tranh.



H6. Bưởi Xuân Phái - (1994)



H7. Giầu nghèo - NGANG



H8. Người mẫu - NGANG



H5. Rách áo - NGANG

Tranh dân gian *Hứng dừa* (H10) đường cong của cả người trèo và người hứng đều mềm mơn, nhón nhơ, đầy chất trữ tình toát ra cả sự êm mát của da thịt, sự lạc quan và hồ hởi của tâm trí.

Khen ai khéo dựng nên dừa

Đây trèo đây hứng cho vừa một đôi



H10. *Hứng dừa*

Tranh *Đám cưới chuột* (H14) đường cong doãi của lũ chuột lại bộc lộ rõ sự nhút nhát, khép nép, sợ sệt trước con mèo già hiểm ác tạo bởi đường cong vắn vẹo và lắt nhắt vun vọt đầy chất nghi ngờ và nham hiểm.

Tranh *Gà đàn* có đường cong thoải mái nêu được niềm vui mẹ con xum họp, sự nhí nhảnh của lũ gà con vừa thấy cả chất xỗ của lông gà



H13. *Thầy đồ Cóc*

Nếu trong tranh *Đánh ghen* - (H11) cũng với những đường cong nhưng ở hai bà vợ vừa tạo ra sự ngoa ngoắt, đánh đá vừa gợi nên sự mềm mại và kì thú của thể chất da thịt. Thì tranh *Thầy đồ cóc* (H13) với đường nét gồ ghề, khúc khuỷu gợi lên cả chất da thịt xù xì, dày cộm gây cảm giác gợn tay.



H11. *Đánh ghen*

mẹ. Tranh *Lợn đàn* tạo bởi những đường cong dày đặc biểu hiện sự no béo, căng tròn, phát triển... Tranh *Đông Hồ* đường nét không nhiều, hình to, nền thoáng, trong đó có cả chất phóng khoáng của người nông dân thuần hậu. Đường nét ấy lại to mập sung sức chắc khỏe và dứt khoát hướng dẫn được người xem đến với tình cảm đôn hậu, thoải mái. Tranh *Hàng Trống* nghệ nhân biểu hiện đường nét mảnh mai, có vẻ bay



H14. *Đám cưới chuột*

bướm, vuốt ve và mơn trớn. Để vẽ được những cảnh trong tranh dân gian người nghệ nhân đã tạo ra nhiều điểm nhìn, đi đến đâu vẽ đến đó khái quát được cả quá trình diễn biến của nhiều giai đoạn khác nhau tạo ra không gian có chiều sâu và bề rộng. Trong khi quan sát và vẽ, nghệ nhân vẫn chớp được cái hành động điển hình diễn ra trong khoảnh khắc. Chính vì hình tượng trong tranh đã diễn tả được tình huống éo le của câu chuyện, lột tả được cá tính sắc nét của nhân vật. Tranh *Hứng dừa*, đôi trai gái đều duyên dáng “hai mắt cùng nhìn, hai lòng cùng ưa” nhưng trong cách biểu đạt của cô gái vừa có cái nhí nhảnh vừa có cái hổ hênh. Xem tranh dân gian có cái hiểu ngay rồi cười thích thú nhưng có cái phải xem đi xem lại rồi ngẫm nghĩ mãi tới tận lúc hiểu ra được cái ý cái tứ sâu xa của ông cha ta lúc ấy ta phải trầm trồ thán phục. Sao nó sâu sắc tới vậy, sao tế nhị vậy, phải chăng tranh “*Hứng dừa*” là bức tranh khoả thân giữa lòng chế độ phong kiến hà khắc của nho giáo. Bởi quả dừa khi rơi xuống thì ôi thôi vấy của cô gái đầu còn trong cái thì tương lai tiếp diễn mà các cụ nhà ta đoán định. Tranh *Đánh ghen* lại nhắc

nhớ vợ chồng đóng cửa bảo nhau đó là bài học luân lý ở đời, bởi có đánh ghen thì cũng chẳng ai thắng mà rốt cuộc chỉ “Xấu mình hổ ta”.

4. KẾT LUẬN

Yếu tố cường điệu đường nét đôi khi bóp méo, thay đổi hình thể mang tính hài hước, trào lộng trong hình và nét. Hình thể trong mạn hoạ được tiến hành trong quy luật đối lập để tạo hình tượng. Hình thể trong mạn hoạ được tinh giản tới mức tối đa tạo ý tưởng hấp dẫn cho nội dung. Mạn hoạ có sức truyền cảm mãnh liệt mang tính giải trí - hài hước trong thưởng thức. Mạn hoạ vừa mang tính thời sự vừa mang tính chiến đấu trực diện cho chân lý một cách hữu hiệu. Mạn hoạ mang nhiều đặc điểm nghệ thuật dân gian đã được nhiều hoạ sĩ áp dụng. Cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc ở Việt Nam với truyền thống nghệ thuật điêu khắc Đình làng và tranh Dân gian với tranh Biếm hoạ hiện đại. Từ đó có thể áp dụng một cách sâu, rộng, nhân lên trở thành một phong cách tạo hình hay một khuynh hướng.

VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU...

(Tiếp theo trang 12)

môn toán nào. Như vậy, trong mọi giờ học mỗi sinh viên đều được tập dượt và dần dần tiến tới tự mình học tập nghiên cứu một cách tích cực, chủ động, tìm ra được những đề tài cho riêng mình để tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc này khác hẳn quan niệm của một số người đặt ra yêu cầu quá cao đối với việc nghiên cứu khoa học. Theo những người này, để tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học thì phải đòi hỏi ở sinh viên một lượng rất nhiều kiến thức của một chuyên ngành hẹp. Điều này không phù hợp với sinh viên và hóa ra theo họ khó có thể hướng dẫn được sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Còn nếu quan niệm một cách cởi mở hơn như chúng tôi, bất kỳ một sinh viên nào kể cả năm thứ nhất đều có thể chọn được một đề tài nghiên cứu thích hợp. Sinh viên luôn được tham gia hoạt động nghiên cứu trong mọi giờ học nếu giảng viên có ý thức đặt ra những câu hỏi và lôi kéo họ vào việc khai

thác những nội dung toán học trong các giờ học. Chúng tôi xin minh họa một số ví dụ để thấy rằng việc tìm ra các đề tài nghiên cứu là rất bình thường, chúng tôi không dám nói đến mức độ giá trị của đề tài về mặt khoa học nhưng chúng tôi dám khẳng định rằng những đề tài này là rất có ý nghĩa đối với việc hướng dẫn sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.

(1) *Mối liên hệ giữa bất đẳng thức đại số và bất đẳng thức tích phân*

Với đề tài này chỉ đòi hỏi ở sinh viên nắm được định nghĩa và một số tính chất ban đầu của tích phân xác định ở ngay năm thứ nhất. Nếu học thêm một số loại tích phân khác, thì có thể đặt vấn đề nghiên cứu đề tài này cho các tích phân đó.

(2) *Ứng dụng của khai triển Taylor trong việc giải toán*

(3) *Đa thức nhận giá trị nguyên*

(4) *Nhìn lại bài toán về xác định dãy số thuần nhất qua ma trận*

(5) *Phương trình đồng dư trên vành chính*

VẬN DỤNG PHẦN MỀM POWER POINT, CORELDRAW, ADOBE PHOTOSHOP VÀO DẠY HỌC MÔN ĐIỀU KHẮC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

CN. NGUYỄN QUANG HÙNG

(Khoa Nhạc - Hoa)

I - ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, vấn đề đổi mới phương pháp dạy - học, lấy người học làm trung tâm và làm thế nào để phát huy vai trò tích cực của người học, giúp người học có được những phương pháp kỹ năng, thói quen, ý chí học tập, tạo ra được sự chuyển biến từ học tập thụ động sang học tập tích cực, chủ động, sáng tạo đang là mục tiêu của ngành giáo dục và đào tạo ở nước ta. Nhưng để thực hiện được điều này đòi hỏi phương pháp dạy và cách thức chỉ đạo hoạt động học phải được coi trọng, do vậy việc áp dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào trong các bài giảng cần phải được khai thác và ứng dụng một cách triệt để.

Mỹ thuật là nghệ thuật thị giác. Vì vậy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy mỹ thuật có những đặc thù và cấp thiết riêng. Trong chương trình đào tạo các phân môn mỹ thuật chuyên ngành, môn điêu khắc lại là một trong những môn ít có sức hấp dẫn sinh viên. Nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này là: mặc dù số tiết lý thuyết ít nhưng tài liệu tham khảo khan hiếm, khi giảng viên thực hiện lại gặp rất nhiều trở ngại trong việc đảm bảo tính trực quan. Thực tế đó khiến sinh viên rất khó nắm rõ vấn đề ngay trên lớp, trong khi việc tiến hành những bài tập thực hành lại rất nặng nhọc, tốn mất rất nhiều quỹ thời gian của

các em. Với điều kiện hiện tại, chúng tôi đã hết sức cố gắng khắc phục tình trạng khan hiếm về đồ dùng dạy học nhưng không thể tránh khỏi việc đồ dùng dạy học thiếu đồng bộ, lỉnh kỉnh với những kích thước to, nhỏ khác nhau, bị khô cứng và không phong phú, khó sử dụng.

Để khắc phục có hiệu quả thực tế trên, chúng tôi đã thử nghiệm ứng dụng CNTT vào giảng dạy môn điêu khắc, cụ thể là các phần mềm trình chiếu (*powerpoint, acdsee, photoviewer*) các phần mềm đồ họa (*photoshop, photo paint*) phần mềm đồ họa (*coreldraw*) hay khai thác mạng internet.

II - SỬ DỤNG CÁC PHẦN MỀM POWERPOINT, CORELDRAW, ADOBE PHOTOSHOP ĐỂ THIẾT KẾ BÀI GIẢNG MÔN ĐIỀU KHẮC

Tiếp cận và ứng dụng các thành tựu của CNTT vào phục vụ công tác giảng dạy là vấn đề cần quan tâm của mỗi giảng viên mỹ thuật. Sự hỗ trợ các phần mềm được áp dụng trong môn học mỹ thuật sẽ đạt hiệu quả đến đâu, công dụng của nó như thế nào, chất lượng của nó ra làm sao, còn tùy thuộc vào việc xây dựng bài giảng, cách thức sử dụng những phần mềm hỗ trợ cũng như khả năng thuyết trình phản hồi từ hai phía giữa người dạy và người học.

Với môn điêu khắc, việc sử dụng phần mềm *PowerPoint* đã đạt được hiệu quả nhất định, khả năng đưa thông tin kiến thức lý thuyết ngắn gọn, cô đọng, xúc tích khai thác nguồn tư liệu từ PC, hoặc tài nguyên trên *server* kèm với những hình ảnh đặc sắc, đa dạng có chọn lọc được *download* trên internet, rất hữu ích, đã hỗ trợ đắc lực trong việc thiết kế một bài giảng. Khi thiết kế bài giảng bằng các Slide và trình chiếu với các nguyên tắc như chữ không nhiều hơn sáu dòng trong một trang, không dùng quá 2 hình ảnh trong trang, không dùng quá 6 chữ trong một dòng, đã gây cho sinh viên sự hứng thú với bài giảng, chất lượng của việc tổng hợp những kiến thức điêu khắc vào trong thực hành bài tập đã đạt được hiệu quả bất ngờ, bài tập được đánh giá cao với tỉ lệ điểm trung bình, khá, giỏi chiếm phần lớn, không có điểm yếu.

Cũng như phần mềm *PowerPoint*, phần mềm *Photoshop* có ứng dụng vô cùng phong phú trong giảng dạy môn điêu khắc. Nó trợ giúp đắc lực cho việc chỉnh sửa tranh mẫu, quay ngang dọc, chỉnh sáng tối tương phản, thay đổi tông màu của ảnh tượng mẫu thông qua hộp công cụ toolbox, các tư liệu ảnh và có những phương thức mới mẻ trong cách thiết kế và trình bày: ví dụ như những hình ảnh méo góc, hoặc bị hút do người chụp, có nhiều chi tiết rườm rà xuất hiện trong tranh mẫu cần cắt bỏ thì *Photoshop* cung cấp chức năng sửa, phục hồi cho đẹp tranh tượng rất hữu hiệu. Với công dụng của nó có thể chỉnh được độ sáng tối, tăng giảm phần màu sắc, tạo được chất liệu rõ ràng của mẫu được chọn, ngoài ra nó có thể sử dụng công cụ cắt ảnh

(Crop tool) ghép ảnh (Movetool) để lồng ảnh tượng vào khung và điền tên tác phẩm bằng công cụ (Textool) phân tích trực tiếp và hiển thị hoá các kiến thức bằng rất nhiều hình ảnh minh hoạ gợi ra nhiều hướng giải quyết tạo hình độc đáo, tạo được sự hấp dẫn, hình thành được ý tưởng cho sinh viên.

Phần mềm *CorelDraw* có thể mạnh trong việc thiết kế các văn bản nghệ thuật và xử lý đồ hoạ bởi các lệnh rất ưu việt với tính năng cắt, chỉnh sửa, ghép nối, thêm hoặc bớt đi những chi tiết thừa, thiết kế trên không gian 3 chiều cho những mẫu được chọn. Đặc biệt, những bộ *CorelDraw* 10, 11, 12 đã làm tăng khả năng hỗ trợ đa dạng và có tiện ích nổi trội hơn hẳn so với những bộ *CorelDraw* cũ.

Điêu khắc là môn học của nghệ thuật hình khối và không gian, nó là môn tổng hợp các môn như hình hoạ, kí hoạ, bố cục... thông qua nó có thể giúp người học hiểu được hình khối và không gian. Do vậy việc kết hợp sử dụng các phần mềm *PowerPoint*, *Photoshop*, *Corel* trong giới thiệu những minh hoạ, so sánh để thấy mối quan hệ, sự ảnh hưởng, tác động qua lại giữa các môn học kèm theo những hình ảnh cụ thể đồng thời với các Slide tạo ra những so sánh về các tác phẩm tượng, phù điêu... theo các thời kì phát triển từ nghệ thuật Hy Lạp - La Mã đến thời Phục Hưng và những xu hướng nghệ thuật điêu khắc đương đại sẽ giúp sinh viên tăng cường khả năng khái quát được những kiến thức, phân tích, tổng hợp được sự phát triển của điêu khắc theo trình tự, sinh viên nắm được kiến thức bài giảng nhanh hơn hiệu quả hơn rất nhiều so với cách giảng dạy chay như trước.

Ví dụ : So sánh giữa tượng thời Phục Hưng với xu hướng điêu khắc hiện đại.



Việc hiển thị hoá các kiến thức bằng những hình ảnh minh hoạ cùng với lời thuyết minh của giáo viên và những phản hồi của sinh viên trong tiết học đã giúp cho nội dung bài giảng có được sự sinh động, những thông tin đa chiều. Tạo được hiệu quả thị giác hết sức đặc biệt, chất lượng bài tập đã được nâng cao hơn hẳn, gây được sự thích thú thể hiện, tìm tòi sáng tạo trong sinh viên.

Ngoài những thông tin kiến thức trên lớp, cuối mỗi giờ học sinh viên sẽ được người dạy cung cấp thêm những tư liệu liên quan đến bài giảng, những website về mỹ thuật trên mạng internet để thu thập, bổ sung thêm kiến thức điêu khắc cho bản thân.

III - KẾT LUẬN

Qua đây chúng ta có thể khẳng định về hiệu quả, ích lợi của việc ứng dụng

CNTT trong đổi mới giảng dạy môn mỹ thuật nói chung và điêu khắc nói riêng. Tuy nhiên các phương tiện kỹ thuật hiện đại cũng chỉ để thể hiện những ý đồ của giáo viên, chứ nó không quyết định toàn bộ chất lượng giảng dạy. Do vậy các giáo viên khi thiết kế một bài giảng không nên quá lạm dụng hoặc dựa dẫm nhiều vào CNTT vì nếu như vậy tiết giảng sẽ biến thành khô cứng, buồn tẻ hoặc chỉ mang tính cung cấp thông tin chứ không phải là một tiết học với nội dung tổng hợp. Muốn tránh việc chỉ đem CNTT ra chỉ để giảm thiểu thời gian thuyết trình thì giáo viên khi xây dựng một tiết giảng phải biết linh hoạt vận dụng nó tùy theo từng mục tiêu, nội dung, yêu cầu chuyên môn, tùy theo trình độ tiếp thu kiến thức của sinh viên mà áp dụng. Đó cũng là những yêu cầu những đòi hỏi ngày càng cao cho mỗi giáo viên giảng dạy trong thời đại hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Hoàng Minh, *Photoshop 6.1 - Xử lý phục chế ảnh*, NXB Giáo dục, 2001.
2. Tổng hợp và biên dịch VN - GUI de, *Multimedia and Literacy*, NXB Thống kê, 1998.
3. Nguyễn Việt Dũng, *Vẽ minh hoạ với Corel*, NXB Giáo dục, 1999.
4. Phương Quang, Hoàng Ý Ly, *Hướng dẫn thực hành Photoshop 6.0 bằng hình*, NXB Thống kê, 2002.
5. Hạnh Nguyên biên dịch, *Corel Draw 11 cho Windows*, NXB Thống kê - 2003.